



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



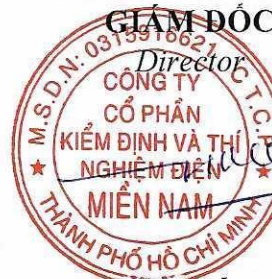
ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 892/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 14/05/2025 Trang/ Page: 1/3
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	CÔNG TY TNHH TRUNG KIÊN	
2. Địa chỉ thử nghiệm: <i>Place of testing:</i>	PTN – Công ty CP Kiểm Định và Thí Nghiệm Điện Miền Nam	
3. Đối tượng thử nghiệm: <i>Type of testing:</i>	Tủ tụ bù hạ thế 250kVAr	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	01 Tủ	
5. Phương pháp thử nghiệm: <i>Method of testing:</i>	TN/QT-26; TCVN 8083-1:2009; IEC60358-1:2012; Tài liệu NSX/ <i>Manufacturer's documentation.</i>	
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	13/05/2025	
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Loại/ <i>Type:</i>	Tủ tụ bù hạ thế 250kVAr
	Điện dung/ <i>Capacitance:</i>	12x(3x137.1) μ F
	Dung lượng tủ/ <i>Capacitor capacity:</i>	10x25 (kVAr)
	Điện áp/ <i>Rated voltage:</i>	440 (V)
	Kích thước/ <i>Size:</i>	(1.100x700x500)mm
	Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i>	2025
	Nhà sản xuất/ <i>Manufacture:</i>	Việt Nam
8. Phương tiện thử nghiệm: <i>Testing equipment:</i>	Kyoritsu 3125A (Thailand); HLY-200C; AC UTQ1; DTE-50/70; UT603; Fluke 287C.	
9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	(32 $\pm$ 2) $^{\circ}$ C ; (60 $\pm$ 5) % RH	
10. Kết quả thử nghiệm: <i>Testing result:</i>	Xem trang sau <i>See next page</i>	
11. Tem thử nghiệm: <i>Testing stamp No:</i>	535/25/ETSC	
12. Kết luận <i>Conclusion</i>	Các hạng mục thí nghiệm của 01 tủ tụ bù nêu trên hoạt động bình thường/ <i>The above 01 capacitors test items are in normal operation</i>	

Người Thực Hiện
Executor

Trần Văn Minh



Nguyễn Quốc Hoàn





CÔNG TY
KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ
NGHIỆM ĐIỆN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CERTIFICATE OF TESTING

Ngày/ Date: 14/05/2025
Trang/ Page: 2/3

Số/ No: 892/2025/TN-ETSC

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1/Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Tên chỉ tiêu <i>Content</i>	Mức quy định cho phép <i>The level of provisions allowing</i>	Kết quả thử nghiệm/ Result	Đánh giá <i>Assess</i>
Vệ sinh, quan sát bên ngoài <i>Hygiene, outside observation</i>	Thiết bị còn nguyên vẹn, không bị nứt hay hư hỏng các bộ phận cách điện, dẫn điện <i>The equipment remains intact, electrical conductors and insulators are not cracked or damaged.</i>	Còn tốt/ Good	Đạt/ Pass
Thao tác chọn các chức năng bằng tay <i>Manually select the functions manually</i>		Thao tác tốt/ Good	Đạt/ Pass

10.2 Đo điện trở cách điện của tủ/ Insulation resistance measurement of cabinet:

Stt <i>No</i>	Đối tượng đo <i>Items</i>	Mức quy định <i>Standard level (MΩ)</i>	Kết quả <i>Result (MΩ)</i>	Đánh giá <i>Evaluate</i>
01	Phase A - (B+C+N+Vỏ)	$\geq 2,0$	500	Đạt/ Pass
02	Phase B - (C+A+N+Vỏ)	$\geq 2,0$	500	Đạt/ Pass
03	Phase C - (B+A+N+Vỏ)	$\geq 2,0$	500	Đạt/ Pass

10.3 Thử nghiệm máy cắt điện hạ thế/ Check for MCCB:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ)/ <i>Insulation resistance</i>		Điện trở tiếp xúc (μΩ) <i>Contact resistance</i>				U _{test/time}	Đóng cắt <i>Close-Open</i>	Đánh giá <i>Evaluate</i>
	Close	Open	Phase A	Phase B	Phase C	Phase N			
MCCB: LS ABN 53c, 3P, 690V, 50A									
01	> 200	> 200	95	98	98	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
02	> 200	> 200	90	89	87	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
03	> 200	> 200	87	88	89	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
04	> 200	> 200	90	87	88	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
05	> 200	> 200	84	85	85	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
06	> 200	> 200	82	82	84	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
07	> 200	> 200	85	87	86	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
08	> 200	> 200	83	80	84	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
09	> 200	> 200	84	83	85	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
10	> 200	> 200	86	85	87	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>

Số/ No: 892/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 14/05/2025 Trang/ Page: 3/3
--------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1/Content of measured results 10 page 1

10.4 Thử nghiệm Contactor/ Check for Contactor:

10.4 Thử nghiệm Contactor/ Check for Contactor.

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ)/ <i>Insulation resistance</i>		Điện trở tiếp xúc (μΩ) <i>Contact resistance</i>				U _{test/time}	Đóng cắt <i>Close-Open</i>	Đánh giá <i>Evaluate</i>
	Close	Open	Phase A	Phase B	Phase C	Phase N			
Contactor LS - 3P, 220V, 40A, 50Hz									
01	> 200	> 200	85	83	86	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
02	> 200	> 200	82	82	84	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
03	> 200	> 200	79	78	78	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
04	> 200	> 200	80	81	82	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
05	> 200	> 200	84	85	83	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
06	> 200	> 200	85	87	86	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
07	> 200	> 200	79	80	78	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
08	> 200	> 200	78	84	82	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
09	> 200	> 200	81	80	83	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
10	> 200	> 200	85	87	87	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>

10.5 Thử nghiệm Tự/ Check for Capacitor:

Đo.3 Thử nghiệm tụ điện loại Capacitor

NAM
HỒ CHÍ MINH

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ) Insulation resistance	Điện dung (μF) Capacitance			Đánh giá Evaluate
		Phase AB	Phase BC	Phase CA	
Capacitor Epcos 3P - 25kVAr, 440V, 50Hz					
01	> 200	142	144	143	Đạt/ Pass
02	> 200	138	140	140	Đạt/ Pass
03	> 200	140	142	142	Đạt/ Pass
04	> 200	143	141	140	Đạt/ Pass
05	> 200	138	139	141	Đạt/ Pass
06	> 200	143	142	142	Đạt/ Pass
07	> 200	140	139	141	Đạt/ Pass
08	> 200	141	142	141	Đạt/ Pass
09	> 200	138	137	139	Đạt/ Pass
10	> 200	139	140	140	Đạt/ Pass